

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 73/2021/DS-ST

Ngày 25/6/2021

“V/v Tranh chấp hợp vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA TỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Dũng.
2. Bà Nguyễn Thị Tú Oanh.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Cảnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Tột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Tột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Lương Byă – Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại Hội trường xét xử trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Tột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 124/2021/TLST-DS ngày 18/3/2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2021/QĐXXST - DS ngày 24/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 88/2021/QĐST-DS ngày 11/6/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bà Vũ Thị Thu T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn 5, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Bị đơn: Anh Phạm Viết S, sinh năm 1973; HKTT: Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Địa chỉ liên hệ: Thôn 2, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Võ Thị T1, sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn 2, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

2. Bà Võ Thị T2, sinh năm 1940; Địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người làm chứng: Chị Đặng Thị Kim S, sinh năm 1978; Địa chỉ: Phường Tân Lợi, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Vũ Thị T1 trình bày có nội dung như sau:

Trên mối quan hệ quen biết nên vào ngày 25/01/2021 chị T có cho anh S, chị T1 vay số tiền 250.000.000 đồng, mục đích vay là để đáo hạn Ngân hàng, cam kết sau khi đáo hạn Ngân hàng xong thì sẽ trả, lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng, nhưng sau đó anh S, chị T1 đã không trả, mặc dù chị T đã cho anh S, chị T1 nhiều thời gian T1 xếp trả nhưng đến nay vẫn chưa trả được.

Khi viết giấy vay tiền, để làm tin chị T có giữ của anh S, chị T1 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Võ Thị T1, Phạm Viết S, 02 chứng minh nhân, 02 hộ khẩu gia đình mang tên Phạm Viết S, Võ Thị T1.

Nay do anh S, chị T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên chị T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh S, chị T1 trả số tiền vay là 250.000.000 đồng và lãi suất theo Ngân hàng là 1%/tháng từ ngày 25/01/2021 đến nay. Đối với các giấy tờ chị T đang giữ của anh S, chị T1 thì sau khi chị T1, anh S trả đủ tiền thì chị T sẽ trả lại. Ngoài ra, không có ý kiến, yêu cầu nào thêm.

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên bị đơn anh Phạm Viết S trình bày có nội dung như sau:

Vào ngày 25/01/2021, anh S, chị T1 có vay số tiền 250.000.000 đồng của chị Vũ Thị T1 T, mục đích vay là để trả nợ Ngân hàng, sau khi trả nợ Ngân hàng thì sẽ trả lại, tuy nhiên anh S chỉ nhận của chị T số tiền là 230.000.000 đồng, còn 20.000.000 đồng là đưa cho chị Đặng Thị Kim S1 làm các thủ tục, đóng thuế để chuyển tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ chị T1 sang anh S việc này có sự thống nhất của các bên. Để làm tin thì chị T có giữ lại 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Võ Thị T1, Phạm Viết S, 02 chứng minh nhân, 02 hộ khẩu gia đình mang tên Phạm Viết S, Võ Thị T1.

Sau đó do không vay được tiền Ngân hàng, cùng với sự khó khăn về kinh tế nên đến nay khoản nợ của chị T vẫn chưa trả được như cam kết, nay chị T khởi kiện anh S đồng ý trả số tiền vay gốc là 230.000.000 đồng, tiền lãi đồng ý trả tiền lãi là 1%/tháng từ ngày 25/01/2021 đến nay. Hình thức trả dần hàng tháng 3.000.000 đồng, số tiền 20.000.000 đồng thì chị S1 nhận để làm thủ tục đất nên nay không chấp nhận trả số tiền này cho chị T. Sau khi trả đủ tiền đề nghị chị T trả lại các giấy tờ đã giữ để làm tin. Ngoài ra, không có ý kiến nào khác.

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Vũ Thị T1 trình bày có nội dung như sau:

Chị T1 và anh S chung sống với nhau như vợ chồng nhưng chưa đăng ký kết hôn, nay chị T1 thống nhất với ý kiến của S, số tiền anh S ký vay với chị T là 250.000.000 đồng là khoản nợ chung giữa chị T1 và anh S, anh S đại diện ký giấy vay, nhưng khoản tiền này thực tế nhận từ chị T là 230.000.000 đồng, còn lại 20.000.000 đồng thống nhất chuyển cho chị S1 làm thủ tục chuyển tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ tên chị T1 sang tên anh S.

Mục đích vay số tiền này là để đảo Ngân hàng khoản nợ của chị T1, nay chị T khởi kiện đồng ý trả cho chị T số tiền nợ là 230.000.000 đồng và lãi suất là 1%/tháng, còn 20.000.000 đồng là đưa cho chị S1 nhưng nay không vay được Ngân hàng nên không đồng ý trả khoản này. Ngoài ra, không có ý kiến gì thêm.

Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị T2 trình bày có nội dung như sau:

Đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu chị T trả lại cho bà T2 01 hộ khẩu gia đình mang tên bà T2 là chủ hộ. Ngoài ra, không có ý kiến gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Tột tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng.

Áp dụng vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng vào Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức T1, miễn, giảm, T1 nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc anh S, chị T1 có trách nhiệm trả cho chị T số tiền 250.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất 1%/tháng từ ngày vay đến nay. Sau khi trả đủ tiền thì chị T trả lại cho anh S, chị T1, bà T2 các giấy tờ đã giữ để làm tin.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị T2 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt người liên quan là phù hợp.

[2]. Về nội dung vụ án: Vào ngày 25/01/2021, anh Phạm Viết S đại diện có viết giấy mượn tiền thể hiện, anh S, chị T1 vay chị T số tiền 250.000.000 đồng, để trả nợ Ngân hàng, cam kết sau khi lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ Ngân hàng ra làm thủ tục sang tên anh S sẽ vay lại tiền để trả chị T. Nhưng sau đó các bên không thống nhất được việc vay Ngân hàng nên không có tiền trả chị T vì vậy nay chị T khởi kiện ra Tòa án đề nghị giải quyết.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của chị T buộc anh S, chị T1 trả số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy chị T có cho anh S, chị T1 vay số tiền 250.000.000 đồng vào ngày 25/01/2021 để trả nợ Ngân hàng là đúng thực tế, việc này được các đương sự thừa nhận không ai phản đối gì. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T buộc anh S, chị T1 có trách nhiệm trả cho chị T số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng.

Về lãi suất: Tại giấy mượn tiền ngày 25/01/2021 không thể hiện lãi suất, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T, anh S, chị T1 đều thừa nhận các bên có thỏa T1 lãi suất và nay thống nhất trả lãi suất là 1%/tháng từ ngày 25/01/2021 cho đến nay là phù hợp cần chấp nhận.

Lãi suất được tính cụ thể như sau: 250.000.000 đồng x 1%/tháng x 05 tháng = 12.500.000 đồng.

Như vậy, anh S, chị T1 có trách nhiệm trả cho chị T số tiền gốc và lãi là 262.500.000 đồng.

[4]. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[5]. Xét ý kiến của anh S, chị T1 cho rằng thực tế chỉ nhận số tiền từ chị T là 230.000.000 đồng, còn lại 20.000.000 đồng là đưa cho chị S1 làm thủ tục chuyển tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ chị T1 sang anh S, nay chỉ đồng ý trả số tiền gốc là 230.000.000 đồng, tiền lãi 1%/tháng theo hình thức trả dần hàng tháng 3.000.000 đồng, hoặc bán tài sản trả. Việc này là đúng thực tế, các bên chị T1, anh S, chị S1 đều thừa nhận. Tuy nhiên, tại thời điểm vay tiền thì chị T1, anh S, chị S1 có thỏa T1 nội dung là chuyển số tiền 20.000.000 đồng cho chị S1 để làm các thủ tục cần thiết chuyển tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ tên chị T1 sang tên anh S. Công việc này chị S1 đã hoàn thành theo đúng thỏa T1, tại giấy mượn tiền anh S, chị T1 thể hiện ý chí là vay số tiền 250.000.00 đồng chứ không phải vay 230.000.000 đồng. Ý kiến của anh S, chị T1 không được chị S1, chị T chấp nhận nên không có căn cứ chấp nhận ý kiến của anh S, chị T1. Mặt khác, chị T1, anh S, chị S1 không tranh chấp, cũng như không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết nội dung thỏa T1 số tiền 20.000.000 đồng chuyển để làm công việc sang tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ tên chị T1 sang tên anh S nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết việc này.

[6]. Tại giấy vay tiền 25/01/2021 các bên không thể chấp tài sản, giấy tờ gì, nhưng sau khi viết giấy vay tiền và không trả được nợ như cam kết thì bên anh S, chị T1 có đưa cho chị T giữ để làm tin gồm các bản chính các giấy tờ sau: 01 bản hộ khẩu gia đình mang tên chủ hộ Võ Thị T2, 01 bản hộ khẩu gia đình mang tên chủ hộ Võ Thị T1, 01 chứng minh nhân dân mang tên Võ Thị T1, 01 chứng minh nhân dân Phạm Viết S, 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD9 213836 do ủy ban nhân dân huyện Krông Pắc cấp ngày 25/7/2006, 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 209233 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 26/11/2017. Xét ý kiến của anh S, chị T1, bà T2 yêu

cầu chị T trả lại các giấy tờ trên cho chủ sở hữu là phù hợp cần chấp nhận, sau khi anh S, chị T1 trả xong khoản nợ trên cho chị T, chị T có trách nhiệm trả lại cho bà Võ Thị T2 01 bản chính hộ khẩu gia đình mang tên chủ hộ Võ Thị T2; trả lại cho anh Phạm Viết S và chị Võ Thị T1 các bản chính là: 01 bản hộ khẩu gia đình mang tên chủ hộ Võ Thị T1, 01 chứng minh nhân dân mang tên Võ Thị T1, 01 chứng minh nhân dân Phạm Viết S, 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD9 213836 do ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 25/7/2006, 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 209233 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 26/11/2017.

[7]. Về án phí: Anh Phạm Viết S và chị Võ Thị T1 phải chịu 13.125.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho chị Vũ Thị Thu T 6.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai T1 số AA/2019/0014019 ngày 18/3/2021.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 160, Điều 161, Điều 162, Điều 220, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức T1, miễn, giảm, T1 nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Thu T.

Buộc anh Phạm Viết S và chị Võ Thị T1 có trách nhiệm trả cho chị Vũ Thị Thu T tổng số tiền là 262.500.000 đồng, trong đó tiền gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi là 12.500.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi anh Phạm Viết S và chị Võ Thị T1 trả xong khoản nợ trên cho chị T, chị Vũ Thị Thu T có trách nhiệm trả lại cho bà Võ Thị T2 01 bản chính hộ khẩu gia đình mang tên chủ hộ Võ Thị T2; trả lại cho anh Phạm Viết S và chị Võ Thị T1 các bản chính là: 01 bản hộ khẩu gia đình mang tên chủ hộ Võ Thị T1, 01 chứng minh nhân dân mang tên Võ Thị T1, 01 chứng minh nhân dân Phạm Viết S, 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD9 213836 do ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 25/7/2006, 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 209233 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 26/11/2017.

Về án phí: Anh Phạm Viết S và chị Võ Thị T1 phải chịu 13.125.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho chị Vũ Thị Thu T số tiền 6.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2019/0014019 ngày 18/3/2021.

Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền hoãn thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- CCTHADS TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu: HS +VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Đình Thanh

